

Bản án số: 106/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/10/2019

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngọc Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 348/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 11, khu phố 4, phường B.S, thành phố H.T, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 147, ấp P.H, xã P.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2018 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Phan Văn T tự quen nhau, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 15/9/2002, sau đó hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B.S, thị

xã H.T (nay là thành phố H.T), tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/9/2002.

Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2008 và sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2008 thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, kinh tế gia đình, ông T hay ăn nhậu, không quan tâm đến vợ con nên bà và ông T thường xuyên cự cãi, có lần ông T còn đe dọa đem con về nhà cha mẹ ruột ông T tại xã P.T, thành phố RG, do quá lo sợ nên bà phải nhờ bạn trông con dùm mỗi khi bà đi làm. Bà đã cố gắng hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 13/4/2003. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- **Tại biên bản xác minh lập ngày 26/11/2018, bà Trần Thị T cung cấp nội dung sự việc như sau:** Bà và bà H là bạn bè với nhau nên bà thường xuyên qua lại nhà của vợ chồng bà H, ông T. Trong khoảng thời gian từ năm 2004 đến năm 2007, bà thường chứng kiến sự việc bà H và ông T cự cãi nhau, chủ yếu là về vấn đề kinh tế gia đình, ông T cũng hay ăn nhậu, không quan tâm đến vợ, con. Có lần vợ chồng cự cãi đến mức độ bà H lo sợ ông T đem con đi về quê nhà ông T tại xã P.T, thành phố RG nên có nhờ bà trông giữ con dùm.

- **Tại biên bản xác minh lập ngày 26/11/2018, bà Phạm Thị Ngọc B cung cấp nội dung sự việc như sau:** Do là hàng xóm nên bà cũng thường xuyên sang nhà vợ chồng bà H, ông T. Trong khoảng thời gian từ năm 2004 đến năm 2007, bà thường chứng kiến sự việc bà H và ông T cự cãi nhau, chủ yếu là về vấn đề kinh tế gia đình, ông T hay ăn nhậu và không quan tâm, chăm sóc cho vợ, con.

- **Tại biên bản ghi nhận ý kiến lập ngày 26/11/2018, người con chung tên Phan Thị Ngọc H trình bày:** Muốn được mẹ là bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- **Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Huyền cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – ông Phan Văn Tân quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – ông Phan Văn Tân đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Huyền cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – ông Phan Văn Tân.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Bà H và ông T tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B.S, thị xã H. T (nay là thành phố H.T), tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/9/2002; như vậy, việc kết hôn của bà H và ông T đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết

vụ án, bà H cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, kinh tế gia đình, ông T hay ăn nhậu, không quan tâm đến vợ con nên bà và ông T thường xuyên cự cãi, có lần ông T còn đe dọa đem con về nhà cha mẹ ruột ông T tại xã P.T, thành phố RG, do quá lo sợ nên bà phải nhờ bạn trợ giúp con dùm mỗi khi bà đi làm, do không còn tình cảm với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Nguyên nhân mâu thuẫn trên cũng phù hợp với nội dung sự việc được xác minh đối với bà Trần Thị T và bà Phạm Thị Ngọc B. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – bà H đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – ông T không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2] Về con chung: Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 13/4/2003 đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008531, ngày 12/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên bà H không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuy ên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Văn T.

- Về con chung: Giao người con chung tên Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 13/4/2003 cho bà H nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008531, ngày 12/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên bà H không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- UBND P. B.S, TP.H.T, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

